

TÍN NGƯỠNG VÀ LỄ HỘI Ở XÃ Ô DIÊN, HÀ NỘI

- GÓC NHÌN ĐỊA VĂN HÓA - LỊCH SỬ

ĐINH ĐỨC TIẾN* - NGUYỄN TẤN PHÁT **

Tóm tắt: Xã Ô Diên (Hà Nội) là một trong những vùng đất đặc biệt của vùng châu thổ sông Hồng, có bề dày về lịch sử và những đặc trưng văn hóa. Ô Diên không những là vùng đất gắn với giai đoạn lịch sử thời Tiền Lý, mà còn mang giá trị đặc trưng cho không gian văn hóa xứ Đoài. Trong đó, có đời sống văn hóa tín ngưỡng - tâm linh và các sinh hoạt lễ nghi liên quan. Từ góc nhìn “địa văn hóa - lịch sử”, bài viết tập trung tìm hiểu, khảo sát một số vấn đề về đời sống tín ngưỡng thông qua các lễ hội liên quan đến địa bàn xã Ô Diên; đồng thời, làm rõ hơn đặc trưng văn hóa tín ngưỡng bắt nguồn từ những đặc điểm tự nhiên cơ bản của vùng đất. Trên cơ sở bóc tách những đặc trưng đó, bài viết nhằm đưa ra những quan điểm, giải pháp để bảo tồn/ bảo vệ các giá trị di sản văn hóa và không gian sinh thái, địa lý, từ đó, tạo ra xu hướng phát triển bền vững và biến những di sản văn hóa trong môi trường cảnh quan địa lý thành “nguồn tài nguyên”, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Từ khóa: tín ngưỡng, lễ hội, xã Ô Diên.

Abstract: The commune of O Dien (Hanoi) is a special area within the Red River Delta, with a rich history and unique cultural characteristics. O Dien is not only linked to the historical period of the Early Lý Dynasty but also holds distinctive value for the cultural landscape of the Doai region. This includes its spiritual and religious life and related ceremonial activities. From a “geo-cultural-historical” perspective, this article focuses on exploring and surveying some aspects of religious life through festivals connected to the O Dien commune. It also clarifies the unique features of its religious culture, which originate from the fundamental natural characteristics of the area. Based on the analysis of these characteristics, the article aims to provide viewpoints and solutions to preserve/protect the values of cultural heritage and ecological and geographical spaces, thereby creating a sustainable development trend and turning cultural heritages in the geographical landscape environment into “resources”, contributing to the economic and social development of the locality.

Keywords: beliefs, festivals, O Dien commune.

Dẫn luận

Huyện Đan Phượng trước kia thuộc không gian văn hóa xứ Đoài, tiếp giáp với huyện Phúc Thọ và gần với thị xã Sơn Tây. Định vị như vậy, để thấy vị trí địa lý và những đặc điểm tự nhiên của vùng đất này. Cụ thể, xứ Đoài (Sơn Tây, hiểu theo nghĩa rộng là vùng - tỉnh xưa kia, gồm có các huyện - phủ: Hoài Đức, Quốc Oai, Thạch Thất, Đan Phượng, Phúc Thọ, thị xã Sơn Tây, Ba Vì...). Và, Sơn Tây cùng với Vĩnh Phúc, Phú Thọ tạo thành không gian - vùng/ trấn/ xứ Đoài. Đây cũng là thềm phù sa cổ (nơi sông Hồng bồi đắp, kiến tạo) - vùng thượng châu thổ (Việt Trì - thành phố ngã ba sông) - điểm đầu của châu thổ sông Hồng. Vùng trung

châu thổ, có điểm bắt đầu là vùng Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội) và vùng hạ châu thổ, có điểm bắt đầu là phố Hiến (Hưng Yên) và cạnh đáy của tam giác châu thổ sông Hồng kéo dài từ Quảng Yên (Quảng Ninh đến cửa Thần Đầu/ Phù giáp giữa Ninh Bình và xứ Thanh (1).

Theo sách **Đại Nam nhất thống chí**, Đan Phượng (trước đây) thuộc tỉnh Sơn Tây. Theo các ghi chép trong tài liệu địa bạ thời Nguyễn, thì xã Ô Diên thuộc tổng Thượng Hội, huyện Từ Liêm. Ô Diên có phía Đông giáp các xã Thúy Hội, Thượng Trì bản huyện (Từ Liêm). Tây giáp sông Lớn, xã Nại Từ huyện Yên Lạc. Nam giáp các xã Vĩnh Kỳ, Thượng Mỗ, Phù Trung bản tổng. Bắc giáp các xã Đông Lai, Bồng

Lai, Bá Dương bản huyện; xã Nại Tử huyện Yên Lạc (2). Có thể nhận thấy, thôn Ô Diên thuộc xã Ô Diên qua các giai đoạn lịch sử khác nhau mà được tách/nhập vào các huyện Đan Phượng hoặc Từ Liêm.

Về đặc điểm tự nhiên, xã Ô Diên nằm ở vị trí gần với sông Hồng - vùng châu thổ trù phú, màu mỡ, thuận tiện đường giao thông thủy bộ. Theo ghi chép, một nhánh sông Nhuệ phát nguồn từ Ô Diên, huyện Từ Liêm, quanh co chảy qua các xã thôn Vĩnh Kỳ, Thúy Hội, Thượng Hội, Ngọc Kiệu, Đan Hội, Hạnh Đàn, Phúc Lý, Phú Diễn, Phú Mỹ, Hương Canh, Hương Đô, Đại Mỗ, Mộ Lao trong huyện, rồi chảy xuống huyện Thanh Oai, dài 35 dặm, rộng 5 trượng, sâu 1 trượng (3). Sông Nhuệ là một nhánh của sông Hồng, kết nối với sông Đáy và là con đường giao thông quan trọng của Hà Tây trong quá khứ. Đến thời thuộc Pháp, chính quyền thuộc địa cho cải tạo sông Nhuệ, cửa sông ở Ô Diên bị lấp lại, cửa sông ở bên Chèm Đông Ngạc mở ra, sông Nhuệ trở thành một hệ thống thủy nông tưới tiêu cho toàn hạt Hà Đông (4). Ô Diên có địa hình cao, là khoảng đất phù sa được bồi đắp - kiến tạo sớm, nói theo kiểu người dân địa phương: “Ô Diên mà bị ngập lụt, thì Hà Nội bị chìm/ ngập trong nước đến vài mét” (5). Chính vì có địa hình cao, được bồi đắp sớm, nên vùng Ô Diên đã được nhà Tiền Lý chọn làm nơi dựng thành Ô Diên của nhà nước Vạn Xuân. Dấu vết hiện nay là ngôi đền Chính Khí, tương truyền là khu vực trung tâm của thành Ô Diên. Nhìn từ trên bản đồ hiện nay, Ô Diên có vị trí nằm gần với sông Hồng. Các dấu vết là nơi phát nguồn của sông Nhuệ không nhiều, nhưng còn có: hồ/ đầm nước hình bong bóng cá (dân gian còn gọi là pheo/ phiêu); ghềnh Đầm Mát là nơi trũng thấp nhất. Xen lẫn là những địa danh hoặc đồi gò cao như: khu Cháy/ Chái Điền, gò Con Họa; núi Kim Sơn (núi đất) có khu mỏ Từa... (6).

Có thể nhận định, Ô Diên thuộc huyện Đan Phượng (trước đây) và Hà Nội ngày nay là vùng đất châu thổ điển hình, có vị trí nằm gần sông Hồng và là phát nguồn của sông Nhuệ. Đây là vùng phù sa cổ, được bồi lấp sớm, nên về cơ bản địa hình - cốt đất cao, xen lẫn với một vài vũng trũng tạo thành các đầm, hồ. Vì có nền cốt cao như vậy, nên trong quá khứ, Ô Diên đã được các nhóm cư dân Việt lựa chọn làm nơi định cư sinh sống. Dấu ấn lịch sử quan trọng, được nhà Tiền Lý lựa chọn xây cất thành Ô Diên của nhà nước Vạn Xuân.

Những vị thần linh trong đời sống tín ngưỡng ở Ô Diên

Các vị thần linh được thờ cúng chính là phần hồn cốt quan trọng để làm nên một di tích tâm linh tín ngưỡng hay tôn giáo. Theo quan điểm của chúng tôi, để hình thành nên trung tâm tín ngưỡng - tôn giáo, cần phải hội tụ các yếu tố sau: Di tích (cơ sở thờ tự, cùng các đồ thờ tự, pháp khí...); Thần linh (đối tượng được thờ cúng); Các nghi thức và người đại diện thực hành nghi lễ cùng hệ thống lễ vật. Ô Diên là vùng đất cổ, gắn liền với giai đoạn nhà Tiền Lý và liên tục được bồi đắp thêm các yếu tố tâm linh của giai đoạn lịch sử sau này. Chính vì vậy, các vị thần linh được thờ cúng ở Ô Diên thường là những nhân vật lịch sử gắn liền với từng giai đoạn thời gian nhất định. Cùng với các vị thần linh có nguồn gốc nhân thần, còn xuất hiện các vị “nhiên thần/ thiên thần” gắn với không gian sinh sống của cư dân địa phương, nhưng đã được “nhân hóa” thành những “nhân vật lịch sử”. Đây là quy luật phổ biến trong đời sống tín ngưỡng tâm linh của người Việt nói riêng và người Việt Nam nói chung (7).

Những thần linh là nhân vật thời Tiền Lý, trong đó cụ thể là các hoàng tử như: Lý Phật Tử và Lý Bát Lang. Hiện nay, Lý Phật Tử được thờ ở đền Chính Khí, hoàng tử Lý Bát Lang được thờ ở miếu Hàm Rồng (8). Theo các nguồn tài liệu chính sử, năm 541 cuộc khởi nghĩa của Lý Bí giành được thắng lợi ban đầu, ông đã xưng đế (Lý Nam Đế hay Nam Việt Đế) và lấy thành Long Biên làm thủ phủ (9). Năm 546, Lý Nam Đế thất bại trước sự đánh chiếm của quân Lương, ông ủy thác cho Triệu Quang Phục tiếp tục gánh vác công cuộc giữ nước (10). Bên cạnh đó, một thế lực khác chống lại nhà Lương là Lý Thiên Bảo (anh của Lý Nam Đế), xưng là Đào Lang Vương cùng với người trong họ là Lý Phật Tử. Năm 555, Đào Lang Vương mất, không có con nối dõi, quần chúng suy tôn Lý Phật Tử lên nối ngôi... Năm 557, Lý Phật Tử đem quân đánh nhau với Triệu Việt Vương... sau hai bên hòa hoãn và phân chia địa giới ở bãi Quân Thần (nay thuộc 2 xã Thượng Cát, Hạ Cát thuộc huyện Từ Liêm) (11). Lý Phật Tử dời đến thành Ô Diên ở Ô Diên (12) (trước thuộc huyện Từ Liêm, nay thuộc xã Đan Phượng, Hà Nội) (13). Ông dùng kế “hôn nhân”, để con trai là Lý Nhã Lang (Lý Bát Lang) lấy con gái Triệu Việt Vương và khai thác được bí mật mà giành được thắng lợi,

sử gọi là thời kỳ Hậu Lý Nam Đế. Lý Phật Tử tiếp tục cho đóng đô tại Ô Diên, sau này mới dời sang Phong Châu; đến năm 602 thì thất bại trước các cuộc tấn công của nhà Tùy (14). Có thể coi, thành Ô Diên (thuộc Ô Diên) là đất bản bộ, phát tích đế nghiệp của Lý Phật Tử. Chính vì vậy, dấu vết cũ là đền Chính Khí trở thành nơi thờ cúng ông, vừa với tư cách là một nhân vật lịch sử, vừa với tư cách là vị thần linh của địa phương.

Qua đây, chính sử cũng ghi chép khá rõ ràng, Lý Nhã/ Bát Lang là con trai (hoàng tử) của Hậu Lý Nam Đế. Dân gian ở vùng Ô Diên còn cho rằng, Lý Bát Lang là con thứ 8 của Lý Phật Tử và có tên gọi khác là Lý Nhã Lang (như ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*). Ông tuân mệnh vua cha kết hôn với Cảo Nương mà trở thành con rể của Triệu Việt Vương. Theo sử chép, vì Triệu Việt Vương thương con gái, nên Lý Nhã Lang được ở rể có điều kiện để nắm bí mật đánh trận của bố vợ (15). Từ đó, cha ông - Lý Phật Tử có cơ hội giành được giang sơn của Triệu Việt Vương. Sau sự kiện này, không thấy chính sử ghi chép về Lý Bát Lang nữa, nhưng hiện nay tại đình Vạn Xuân và miếu Hàm Rồng thờ Lý Bát Lang, vừa mang tư cách là nhân vật lịch sử, vừa mang tư cách vị thần hoàng làng bảo trợ cho dân làng.

Cùng được thờ cúng trong các di tích liên quan đến triều Tiền Lý ở Ô Diên, còn có một vị thần linh - nhân vật lịch sử, đó là Biệt sứ Lý Phổ Đĩnh. Chính sử có chép, năm 602, vua (Lý Phật Tử) sai con của anh là Lý Đại Quyền giữ thành Long Biên. Biệt sứ Lý Phổ Đĩnh giữ thành Ô Diên (vì lúc bấy giờ vua đóng đô ở Phong Châu). Cũng trong năm này, nhà Hậu Lý Nam Đế phải chịu sự tấn công của nhà Tùy. Tướng nhà Tùy là Lưu Phương đã đánh thắng Lý Phật Tử. Khi đó, Lý Phổ Đĩnh trấn giữ thành Ô Diên (một trong những vị trí trọng yếu của Giao Châu lúc bấy giờ). Tuy nhiên, cục diện nhanh chóng có lợi cho quan quân nhà Tùy, quan quân của Lý Phật Tử gặp thất bại ở núi Đô Long và bị đưa về đất Bắc, rồi qua đời bên đó (16). Mặc dù không giữ được độc lập cho đất nước, nhưng theo tâm thức dân gian, những nhân vật chống giặc ngoại xâm được nhân dân tôn vinh và lập đền thờ cúng. Chính vì những lý do này, Lý Phổ Đĩnh, vị tướng được nhân dân Ô Diên tôn thờ trở thành một vị thần linh của địa phương cùng với hai cha con Lý Phật Tử và Lý Nhã/ Bát Lang.

Những nhân vật trong các triều đại sau này, cụ thể là thời Lý - Trần, gồm có:

Đông Chinh Vương, hiện được thờ ở đình làng Trúng Đích (Ô Diên). Ông là hoàng tử - con Vua Lý Thái Tổ. Theo các tài liệu chính sử ghi chép: năm 1018 phong hoàng tử Lực làm Đông Chinh Vương (17)... Đến năm 1027, vua sai Đông Chinh Vương (Lý Lực) đi đánh Văn Châu (Văn Quan - Văn Lãng, Lạng Sơn) (18). Sau khi Lý Thái Tổ băng hà, Đông Chinh Vương cùng Dục Thánh Vương, Vũ Đức Vương đem quân vào phục trong thành, mưu đánh úp thái tử Phật Mã (Khai Thiên Vương), cản việc lên kế vị. Việc không thành Vũ Đức Vương bị chém, Đông Chinh Vương và Dục Thánh Vương chạy thoát. Thái tử Phật Mã đăng cơ, Đông Chinh Vương và Dục Thánh Vương đã đến cửa khuyết xin chịu tội. Vua xuống chiếu tha tội và cho phục chức cũ (19). Có thể nhận thấy, Đông Chinh Vương là một nhân vật có tính cách mạnh mẽ, được rèn luyện trong việc cầm quân đi đánh trận. Có lẽ vì lập được chiến công trong trận mạc, lại trẻ tuổi (ông được phong vương sau cùng so với các hoàng tử con Vua Lý Thái Tổ), nên ông sinh kiêu, nuôi tham vọng và mưu đồ việc lớn. Việc không thành, nhưng vẫn bảo toàn được tính mạng và được phục chức như cũ. Sau này, ông được nhân dân làng Trúng Đích, xã Ô Diên thờ cúng trong đình với tư cách là Thành hoàng làng. Chính vì vậy, ông là một nhân thần - phúc thần điển hình trong dòng chảy tâm linh và bách thần đất Việt.

Thái úy Tô Hiến Thành (1102-1179), hiện được thờ trong đền Văn Hiến. Ông là một nhân vật lịch sử - danh nhân thời Lý. Theo chính sử chép: vào năm 1141, Tô Hiến Thành đang giữ chức Thái Phó đã bắt được thủ lĩnh tên Lợi người châu Lục Lệnh làm phản (20). Năm 1159, nước Ngưu Hổng và Ai Lao làm phản. Vua sai Tô Hiến Thành đi đánh bắt được người và trâu, ngựa, voi, vàng, bạc, châu báu rất nhiều. Phong Hiến Thành làm Thái úy (21). Năm 1160, ông cùng Phí Công Tín tuyển dân đình, người khỏe mạnh sung vào quân ngũ... Năm 1161, vua sai Tô Hiến Thành làm Đô tướng, Đỗ Dĩ An làm phó, đem 2 vạn quân đi tuần các nơi ven biển Tây Nam... (22). Năm 1167, sai Thái úy Tô Hiến Thành đi đánh Chiêm Thành... từ đây Chiêm Thành giữ lễ phiên thần, dâng cống không thiếu (23). Năm 1175, phong Tô Hiến Thành làm Nhập nội kiểm hiệu thái phó bình chương quân quốc trọng sự, tước vương, giúp đỡ Đông cung

(thái tử). Vua không khỏe, cố gượng sai Tô Hiến Thành ẵm thái tử mà quyền nhiếp chính sự... Hoàng hậu muốn phế Long Trát, lập Long Xường làm vua, nhưng vua di chiếu cho Hiến Thành giúp lập thái tử, công việc quốc gia nhất nhất theo phép cũ. Bấy giờ thái hậu muốn phế lập, nhưng Hiến Thành không đồng ý, tuân theo di mệnh của tiên đế (24). Thái tử Long Trát lên ngôi - tức Cao Tông hoàng đế - lấy Tô Hiến Thành tiếp tục làm Thái úy (25). Năm 1178, Hiến Thành quản lĩnh cấm binh, nghiêm hiệu lệnh, thưởng phạt công bằng, người trong nước đều quy phục. Năm 1179, Thái úy Tô Hiến Thành mất; trước lúc mất, ông còn được thái hậu hỏi về người thay thế vị trí của ông... (26). Chính vì vậy, ông được sử thần Ngô Sĩ Liên đánh giá như sau: Tô Hiến Thành nhân việc ký thác con côi, hết lòng trung thành, khéo xử trí khi biến cố, tuy gió lay sóng dập mà vẫn đứng như cột đá giữa dòng, khiến trên yên dưới thuận, không thẹn với phong độ của đại thần đời xưa (27). Là một nhân vật lịch sử, có công lao với vương triều Lý (trải qua 3 đời vua: Thần Tông, Anh Tông và Cao Tông) trong phò vua lên ngôi, giữ vững triều chính, bình Chiêm, tiểu trừ phản loạn. Ông đã trở thành danh nhân, nhân vật đặc biệt của đất Việt. Chính vì vậy, nhân dân Ô Diên đã tôn vinh ông như một vị thần linh, một tấm gương trung tiết, mẫu mực.

Đức Thánh Trần Hưng Đạo hiện được thờ ở đền Tri Chỉ (còn gọi là Tri Chỉ Đường hay đền Võ - tạo thành cặp với đền Văn - Văn Hiến Đường). Hưng Đạo Đại Vương là nhân vật lịch sử thời Trần, anh hùng dân tộc, người đã lập nên những chiến công lẫy lừng, chống lại quân Mông Nguyên xâm lược. Sau khi mất, ông thường hiển linh giúp dân trong những cơn nguy nan. Chính vì vậy, ông được nhân dân tôn thờ thành vị thánh, Đức Thánh Cha trong đời sống tâm linh Việt Nam. Ông là người văn võ toàn tài, có công lao đặc biệt với Đại Việt - dân tộc Việt Nam. Ông mất vào năm 1300 (28), vua phong tặng là Hưng Đạo đại vương. Trong nước hễ có đàn bà bị Bá Linh ám ảnh, gọi là ma Phạm Nhan, người ta thường đem chiếu đối chiếu của đền về trải giường cho bệnh nhân nằm thì khỏi ngay. Tiếng thiêng của ông hiển hách, mấy lần được các triều phong tặng (29). Vì là anh hùng dân tộc, có những chiến công lừng lẫy, lại là vị thần hiển linh sau khi hóa, giúp dân cứu đời, Đức Thánh Trần đã được người dân Ô Diên tôn thờ, cầu mong ngài mang lại cuộc sống bình an, ấm no hạnh phúc cho địa phương.

Những nghi lễ và lễ hội ở Ô Diên

Gắn liền với di tích (công trình kiến trúc, đồ thờ tự...), các vị thần linh được thờ cúng trong đình, đền, miếu... là những sinh hoạt tâm linh có tính chất lễ nghi. Các hoạt động này đã trở thành tập tục quen thuộc của người dân Ô Diên, trong không gian chung của vùng văn hóa châu thổ sông Hồng. Các nghi lễ diễn thông thường được thực hiện tại các di tích theo tuần tự của “tứ thời tiết lập”: những ngày sóc vọng (ngày rằm, mùng 1), mùng 3 tháng 3, mùng 5 tháng 5, rằm tháng 7, rằm tháng 8, ngày 23 tháng chạp... Đặc biệt là những giỗ kỵ (tiệc thánh) liên quan đến các vị thần linh kể trên được thờ cúng trong các đình, đền, miếu. Những ngày tiệc thánh cũng là ngày chính hội, toàn dân làng được huy động để tham gia lễ hội. Ngoài những nghi thức tế lễ, với lễ vật dâng cúng theo mùa, thì người dân Ô Diên còn có những đặc sản như: nem thính, cháo se...

Ngoài các nghi lễ tâm linh như tế tự, thì còn có các trò chơi, diễn xướng dân gian như: ca trù, chèo, trống quân, hát đối đáp - giao duyên, hát ru; các trò thi đấu như: đi cày, đi cây... Các trò chơi truyền thống phổ biến như: thả chim bồ câu, chọi gà, đấu vật, đánh đu, cờ người, thả điều sáo... Đặc biệt là trò chơi đua thuyền bắt vịt nấu com thi, tái hiện lại cảnh chiến đấu chống lại giặc phương Bắc xâm lược của người xưa. Hơn nữa, vùng Hạ Mộ xưa kia nằm ở vị trí ngã ba sông, nên việc tổ chức trò chơi này còn mang nhiều ý nghĩa về việc khắc phục, thích nghi của con người với môi trường tự nhiên đặc biệt của vùng đất.

Lễ hội làng Ô Diên diễn ra từ ngày 11 đến ngày 13 tháng Giêng hằng năm, gắn liền với vị Thành hoàng làng là Lý Bát Lang. Đê có những ngày chính hội diễn ra trong không khí thiêng liêng, trang trọng, vui tươi, nhân dân làng Ô Diên đã phải chuẩn bị từ nhiều ngày trước đó. Ngoài việc lau chùi, quét dọn, các đồ nghi trượng trong đám rước, như cờ, quạt, tàn, lọng, kiệu, bát bửu, bình khí... được mang ra lắp đặt. Vào ngày khai hội 11 tháng Giêng, sau màn trống hội tại sân đình, các cụm dân cư trong làng Ô Diên tiến hành rước kiệu Thành hoàng làng từ miếu Hàm Rồng về đình Vạn Xuân. Nghi lễ rước kiệu này đã huy động tối đa nhân dân địa phương tham gia, ai vào đội đẩy và mỗi đội có nhiệm vụ riêng. Ngày 12 tháng Giêng, diễn ra các hoạt động tế lễ, dâng hương và để du khách thập phương vào chiêm bái. Ngày 13 tháng Giêng, dân làng lại tiến hành rước

kiệu thánh từ đình Vạn Xuân về miếu Hàm Rồng và tổ chức lễ tạ, giã hội. Cùng với các hoạt động nghi lễ rước xách, tế lễ - dâng hương, là các hoạt động văn nghệ, trò chơi dân gian được tổ chức. Một lễ vật dâng lên Thành hoàng làng của nhân dân làng Ô Diên là món cháo se. Món ăn này không chỉ đơn thuần là đặc sản, mà còn mang trong nó những câu chuyện dân gian, gắn liền với lịch sử của vùng đất. Tương truyền, món cháo se được đức Thành hoàng làng là hoàng tử Lý Bát Lang dùng để khao quân sau mỗi trận chiến. Tích truyện kể rằng: Sau mỗi trận chiến, trở về bản doanh, hoàng tử Lý Bát Lang đã cho mổ lợn khao quân, nhưng có lẽ số lượng không nhiều, nên phần thịt thì chia cho các tướng lĩnh, phần xương thì được mang ra ninh cho binh sĩ ăn với cơm. Nhận thấy tình cảnh khó khăn, kham khổ của binh sĩ, hoàng tử Lý Bát Lang đã lệnh cho quân lương phải sử dụng những nguồn lương thực khác để nấu ăn cho binh lính. Người quản lương đã đem gạo ngâm, giã thành bột dẻo và se thành sợi vào nồi nước xương đã được ninh, tạo thành một món ăn đặc biệt. Hoàng tử Lý Bát Lang ăn thấy ngon miệng và ra lệnh cho quân lương phải nấu món cháo mỗi khi khao quân, phân chia từ tướng tới quân, không phân biệt trên dưới (30).

Hiện nay, lễ hội đình Vạn Xuân làng Ô Diên với các lễ hội khác trong xã như: lễ hội đền Văn Hiến, đền Tri Chỉ, đình Trúng Đích... đã trở thành sinh hoạt tâm linh truyền thống quan trọng, vừa mang hơi thở chung của vùng đất châu thổ Bắc Bộ, vừa mang dấu ấn đặc sắc của địa phương. Đây chính là sự thống nhất trong đa dạng khi nhắc đến văn hóa Việt Nam nói chung và các nghi lễ - lễ hội tâm linh nói riêng.

Kết luận

Vùng đất Ô Diên, Đan Phượng (trước đây) là nơi gắn liền với giai đoạn lịch sử xa xưa của dân tộc. Đây là vùng đất cổ có truyền thống lâu đời và gắn liền với các giá trị tâm linh đặc sắc. Hệ thống di tích, các vị thần linh được thờ cúng cùng những nghi lễ, lễ hội đã tạo nên đời sống văn hóa tín ngưỡng tâm linh của vùng đất. Hòa vào với dòng chảy chung của văn hóa dân tộc, những giá trị truyền thống đó sẽ trở thành nguồn lực di dân, nguồn tài nguyên văn hóa quan trọng để Ô Diên được phát triển kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, trước khi đưa ra những hoạch định phát triển, địa phương cần đầu tư nghiên cứu cơ bản, để tìm lại, phục hồi lại những giá trị văn hóa đã bị mai

một trong quá khứ. Trên cơ sở đó, sẽ tiến hành phục chế, phục dựng, thậm chí xây dựng mới (mô phỏng theo truyền thống), để tạo nên sự đa dạng văn hóa cho địa phương, hòng thu hút du khách thập phương đến với Ô Diên ■

Đ.Đ.T - N.T.P

1. Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 1997, tr.216.
2. *Địa danh làng xã Việt Nam qua các tư liệu địa bạ triều Nguyễn*, tập 1, Nxb Thông tin Truyền Thông, Hà Nội, 2017, tr.1215.
3. Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Nguyên, Phan Văn Các, *Đồng Khánh địa dư chí*, tập 1, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2003, tr.10.
4. Đặng Văn Tu, Nguyễn Tá Nhí, *Địa chí Hà Tây*, Nxb Hà Nội, 2011, tr.130.
- 5, 8, 11, 15. Tư liệu chuyển điền dã ngày 18-9-2024 tại Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội.
6. Tài liệu ông Nguyễn Tọa (sinh năm 1942) cung cấp cho nhóm khảo sát tại Hạ Mỗ vào ngày 18-9-2024.
7. Đinh Đức Tiến, *Nhận diện lại về nguồn gốc của Ông Hoàng Bẩy (dưới góc nhìn địa văn hóa - lịch sử)*, Tạp chí Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, số 4 (214), 2024, tr.3-14.
- 9, 10, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, 1993, tr.179, 180, 183, 186, 185, 246, 247, 248, 250, 314, 323, 323, 324, 325, 326, 326, 327, 327.
29. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, 1993, tr.78-85.
30. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí - Nhân vật chí*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2008, tr.370.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Bộ huyện Đan Phượng, *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ và Nhân dân xã Ô Diên*, Nxb Lao động, Hà Nội, 2018.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997.
3. Lê Bá Thảo, *Việt Nam - lãnh thổ và các vùng địa lý*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2001.
4. Lê Bá Thảo, *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2001.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 26-6-2025; Ngày phản biện, đánh giá, sửa chữa: 8-7-2025; Ngày duyệt đăng: 1-8-2025.